

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/KDTM - PT
Ngày : 26/12/2017
V/v: T/c “ Hợp đồng tín dụng và
hủy hợp đồng mua bán Tài sản
bán đấu giá”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ

---***---

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Thanh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn; Ông Lê Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đ

- Đại diện VKSND tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong -
Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử phúc
thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2017/TLPT– KDTM
ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc: “ Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và hủy hợp
đồng mua bán tài sản bán đấu giá”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 27/2017/KDTM-ST ngày
28/7/2017 của TAND thành phố Q bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2017/QĐ - PT ngày
04/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH SX DV TM C

Địa chỉ: Khu công nghiệp B, thị trấn D, huyện M, tỉnh Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông H – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà T (có mặt)

Trú tại: Thôn P, xã L, huyện M, tỉnh Đ.

(Theo giấy ủy quyền ngày 11/3/2016)

2. Bị đơn:

2.1. Ngân hàng TMCP N

Người đại diện theo pháp luật: Ông X – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông A – Phó trưởng phòng giao dịch Điều Trì
- Ngân hàng Thương mại cổ phần N – Chi nhánh Q.(có mặt)

Địa chỉ chi nhánh: 433 L, Tp. Q, tỉnh Đ.

(Theo giấy ủy quyền số 795/UQ-VCB-PC ngày 27/7/2017)

2.2. Trung tâm S

Địa chỉ: 37 P, TP. Q, tỉnh Đ

Người đại diện theo pháp luật: Bà U – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông O – Phó giám đốc (có mặt)

(Theo giấy ủy quyền ngày 01/7/2017)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH G

Địa chỉ: Cụm CN B, thị trấn D, huyện M, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp: Bà L – Giám đốc (vắng mặt)

3.2. Công ty cổ phần Z

Địa chỉ: 42 Y, TP. U, tỉnh F

Người đại diện pháp luật: Ông K – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông W – Giám đốc chi nhánh (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

(Theo giấy ủy quyền ngày 11/12/2017)

Do có kháng cáo của Công ty TNHH SX DV TM C

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông H trình bày:

Giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại C (công ty C) với Ngân hàng TMCP N– chi nhánh I, nay đổi tên thành Ngân hàng TMCP N - chi nhánh Q (Ngân hàng) có ký kết hợp đồng tín dụng dự án đầu tư và phát triển số 48/HĐTD ngày 24/01/2011. Theo hợp đồng, Công ty vay ngân hàng số tiền là 815.000.000đồng, thời hạn cho vay 60 tháng trong đó: thời gian ân hạn 9 tháng (từ ngày 26.01.2011 đến 26.10.2011); thời hạn thu hồi nợ 51 tháng (từ ngày 27.10.2011 đến 26.01.2016) theo kỳ hạn trả nợ và kế hoạch trả nợ; mục đích vay đầu tư xây dựng nhà máy sửa chữa, gia công và chế tạo cơ khí. Ngày 26.01.2011, Ngân hàng giải ngân cho Công ty số tiền 458.745.000 đồng. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc và

lãi, nên ngày 27.10.2012 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ còn lại của Công ty sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 05.01.2013, Công ty nợ Ngân hàng số tiền gốc: 377.790.000đồng, tính đến ngày 26.12.2012, Công ty nợ Ngân hàng số tiền lãi: 4.596.445đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty C đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là nhà xưởng xây dựng trên thửa đất số 838, tờ bản đồ số 8, diện tích 22.916m², nguồn gốc sử dụng đất nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm, địa chỉ khu công nghiệp B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ, được UBND tỉnh Đ cấp GCN QSDĐ và QSH nhà số BA 603070 cấp ngày 11.02.2010 cho Công ty C, theo HĐ thế chấp tài sản gắn liền với đất số 48A/2011 VCB-PT ngày 24.01.2011, giá trị tài sản 1.014.350.000đ.

Ngân hàng đã nhiều lần thông báo gia hạn nợ, nhưng do điều kiện kinh tế của Công ty khó khăn nên không trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Ngày 10/08/2013, giữa Công ty và Ngân hàng có lập hợp đồng về việc công ty ủy quyền cho Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm, sau đó ông được biết Ngân hàng bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ nhưng do ông đang điều trị bệnh nên không có ý kiến lúc xử lý tài sản.

Nay Công ty C yêu cầu:

Xác định lại số tiền nợ gốc và lãi Công ty C nợ ngân hàng theo hợp đồng tín dụng dự án đầu tư phát triển số 48/HĐTD ngày 24.01.2011 và phụ lục hợp đồng số 01/48/PLHĐ ngày 22.12.2011.

Hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản giữa ngân hàng với Trung tâm S và buộc ngân hàng có trách nhiệm giao trả cho Công ty các tài sản thế chấp của Công ty theo quy định pháp luật, vì Ngân hàng bán đấu giá không đúng. Nếu Ngân hàng không trả tài sản thì phải bồi thường tiền xây dựng Công ty là 1.283.334.609đồng.

Hủy hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá. Buộc Ngân hàng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do bán đấu giá tài sản không đúng, làm cho Công ty ngừng hoạt động từ năm 2003 đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty rút yêu cầu buộc Ngân hàng trả lại tài sản đảm bảo cho Công ty và bồi thường thiệt hại do bán đấu giá tài sản không đúng làm cho Công ty ngừng hoạt động từ năm 2003 đến nay. Không yêu cầu Tòa xem xét trình tự thủ tục thẩm định giá và bán đấu giá tài sản. Xem xét việc sau khi bán đấu giá tài sản bảo đảm, Ngân hàng tự chi trả các khoản nợ của Công ty là không đúng.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T trình bày:

Bà thống nhất toàn bộ nội dung ông Hòa trình bày ở trên

Theo bản tự khai và trong quá trình xét xử người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ngân hàng TMCP N, ông A trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn về thời gian ký kết hợp đồng tín dụng cũng như số tiền vay của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ C tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Q.

Tính đến hết ngày 12.3.2014, Công ty C còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 377.790.000đồng, lãi 85.833.438đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đến kỳ trả nợ thứ tư ngày 26/10/2012, Công ty không trả được nợ gốc 3 kỳ và tiền lãi nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của Công ty sang nợ quá hạn.

Ngân hàng và Công ty đã làm việc về kế hoạch trả nợ vào các ngày 01.12.2012, ngày 05.01.2013 và ngày 02.5.2013 nhưng phía Công ty C không thực hiện

Ngày 05.01.2013 Công ty viết giấy tự nguyện bàn giao tài sản cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ;

Ngày 10.8.2013 Công ty ký hợp đồng ủy quyền cho Ngân hàng được toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Ngày 16.10.2013 Ngân hàng ký hợp đồng với Trung tâm S để đưa tài sản thế chấp của Công ty C ra tổ chức bán đấu giá công khai với giá khởi điểm là: 1.246.288.000 đồng, tuy nhiên không có người tham gia đấu giá; qua nhiều lần giảm giá tài sản theo quy định, ngày 08.03.2014 Trung tâm S đã tổ chức bán đấu giá thành công tài sản thế chấp của Công ty C với số tiền là 736.000.000 đồng. Người trúng đấu giá: Công ty TNHH G

Số tiền bán đấu giá tài sản được Ngân hàng thu nợ vay và chi phí như sau: Trả gốc và lãi tại Ngân hàng: 463.623.438đồng; trong đó: gốc 377.790.000đ, lãi 85.833.438đ (lãi tính đến hết ngày 12.3.2014); chi phí cho dịch vụ thẩm định giá, đấu giá: 19.351.000đồng; nộp thuế thu nhập doanh nghiệp: 55.665.624đồng; nộp tiền nợ thuế tại Chi cục thuế huyện Phù Mỹ: 16.774.029đồng; nộp tiền phí sử dụng hạ tầng: 127.008.588đồng (tính đến ngày 08.10.2014); nộp tiền thuê đất: 41.560.000đồng; tổng cộng số tiền đã chi trả: 723.982.679 đồng. Số tiền còn lại: 12.017.321đồng ngân hàng đã chuyển về tài khoản tiền gửi của Công ty C tại Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Q theo quy định;

Do Công ty C vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, nên ngân hàng căn cứ khoản 2 điều 1 của hợp đồng ủy quyền giữa công ty và ngân hàng để xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ; việc thuê thẩm định giá theo quy định tại điểm c, khoản 2 điều 1; thực hiện việc bán tài sản qua trung tâm bán đấu giá theo quy định tại điểm b.i, khoản 2 điều 1 hợp đồng ủy quyền và điểm 6.1.3 khoản 6 .1 điều 6 của hợp đồng thế chấp số 48A/2011 VCB-PT ngày

24.01.2011; Việc giảm giá căn cứ điểm h, khoản 2 điều 1; điều 2 hợp đồng ủy quyền và khoản 1 điều 49 nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04.3.2010 của chính phủ quy định về bán đấu giá tài sản; Việc đấu giá được thực hiện công khai, thông báo rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật.

Do đó, việc Công ty C yêu cầu Ngân hàng hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản là không đúng quy định pháp luật.

Theo bản tự khai và trong quá trình xét xử người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trung tâm S, anh O trình bày:

Ngày 16.10.2013 Trung tâm S (Trung tâm) và Ngân hàng có ký kết hợp đồng bán đấu giá tài sản số 70/HĐ-BĐGTS về việc bán đấu giá tài sản thế chấp của Công ty C gồm: công trình xây dựng và giá trị lợi thế vị trí địa lý khu đất tọa lạc tại Cụm công nghiệp B, thị trấn D, huyện M, tỉnh Đ. Trung tâm ký hợp đồng với ngân hàng bán đấu giá tài sản trên cơ sở hồ sơ giấy tờ do Ngân hàng cung cấp

Giá khởi điểm bán đấu giá dựa vào chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Z và các văn bản giảm giá của ngân hàng để tiếp tục thông báo bán đấu giá

Trung tâm đã thực hiện việc thông báo, niêm yết công khai 6 lần về tài sản bán đấu giá trên báo Bình Định và báo Thanh niên; ngoài ra, còn niêm yết tại Trung tâm và UBND thị trấn D; như vậy Trung tâm đã thực hiện việc thông báo, niêm yết công khai theo đúng quy định pháp luật về bán đấu giá tài sản

Lần thứ 6 Trung tâm tổ chức bán đấu giá cho công ty TNHH G theo giá 736.000.000đồng; Công ty TNHH G đã nộp đủ tiền mua tài sản, ngân hàng phối hợp với Trung tâm bàn giao tài sản cho Công ty TNHH G. Như vậy việc bán đấu giá tài sản của Công ty C thực hiện đúng trình tự, thủ tục bán đấu giá theo quy định pháp luật

Trung tâm đã niêm yết, thông báo đúng theo quy định pháp luật; giá khởi điểm 1.246.288.000đồng do ngân hàng ký với Công ty Cổ Z, còn các lần giảm giá do Ngân hàng quyết định. Việc Công ty C yêu cầu gửi thông báo cho Công ty C pháp luật không có quy định.

Theo bản tự khai và trong quá trình xét xử người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH G, anh V trình bày:

Ngày 08.3.2014 tại Trung tâm S, Công ty TNHH G (công ty G) đã mua công trình xây dựng và giá trị lợi thế vị trí địa lý khu đất tọa lạc tại Cụm công nghiệp B, thị trấn D, huyện M của Cty C với giá 736.000.000đồng.

Công ty G đã chuyển tiền mua đấu giá vào ngày 08.4.2014 và đã nộp lệ phí trước bạ nhà đất 9.347.400đồng; Công ty G đã tiến hành làm hợp đồng thuê đất nói trên với UBND tỉnh Đ theo HĐ thuê đất số 60/HĐTD ngày 17.6.2015.

Việc Công ty G mua đấu giá tài sản của Công ty C là đúng theo quy định pháp luật, nay Công ty C khởi kiện, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật

Theo bản tự khai và trong quá trình xét xử người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Z, ông W trình bày:

Theo yêu cầu của Ngân hàng, Công ty Cổ phần Z (Công ty Z) với ngân hàng TMCP N - CN Q tiến hành ký kết Hợp đồng tư vấn - dịch vụ thẩm định giá số: 255/HĐ-CIVS-BĐ ngày 20/9/2013 về việc thẩm định giá trị lợi thế vị trí địa lý khu đất và công trình xây dựng trên đất của Công ty C tại Cụm CN B, thị trấn D, huyện M, tỉnh Đ. Mục đích thẩm định giá, bán đấu giá tài sản thu hồi nợ vay.

Công ty thẩm định giá đã tiến hành các bước theo quy trình thẩm định giá và đã phát hành Chứng thư Thẩm định giá số: 289/2013/CT-CIVS-BĐ ngày 24/9/2013. Đến ngày 13/3/2014 hai bên đã làm biên bản thanh lý hợp đồng số: 053/BBTL-CIVS-BĐ

Việc Thẩm định giá của công ty Z là công khai, khách quan, độc lập đúng theo quy trình và áp dụng đầy đủ các văn bản về thẩm định giá.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2017/KDTM-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tuyên xử:

Áp dụng Điều 388, 401, 402, 412, 424, 427 Bộ luật dân sự 2005.

Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Bác toàn bộ yêu cầu của Công ty TNHH C đối với Ngân hàng TMCP N và Trung tâm S vì không phù hợp theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chấp hành bản án và thông báo quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 Công ty TNHH C có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu đề nghị: Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, Hủy bản án sơ thẩm.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng.

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp cho công ty TNHH G, vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Người đại diện hợp pháp cho Công ty Cổ phần Z, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Áp dụng quy định tại Điều 296 BLTTDS, Tòa xét xử vắng mặt các đương sự có liên quan.

[2] Người đại diện Công ty C khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết xác định số tiền gốc và lãi Công ty C nợ ngân hàng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là có cơ sở, nhưng cho Công ty C nộp tạm ứng án phí và chịu án phí 200.000đồng là không đúng quy định tại mục 1, phần I về danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 vì đây thuộc trường hợp án phí sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh, thương mại không có giá ngạch. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31 tháng 7 năm 2017, ông H đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho đương sự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm vụ án kinh doanh, thương mại 300.000đồng (BL 441) là vi phạm quy định tại Điều 28, 47 và tiểu mục 2.2 mục 2 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ, có nhiều tài liệu quan trọng như hợp đồng tư vấn dịch vụ thẩm định giá số 255/HĐ-CIVS-BĐ ngày 20/9/2013 (BL 138), chứng thư thẩm định giá số 289/2013/CT-CIVS-BĐ ngày 24/9/2013 (BL 131-138), giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty Minh Châu (BL 35-36), biên bản niêm yết công khai thông báo bán đấu giá (BL 377-382) không phải là bản chính hoặc bản sao có công chứng mà chỉ có bản photo.

Về nội dung:

[4] Giữa Công ty C với Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 48/HĐTD ngày 24.01.2011 và phụ lục hợp đồng số 01/48/PLHĐ ngày 22.12.2011, theo hợp đồng ngân hàng cho công ty C vay 815.000.000đồng, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, trong đó: thời gian ân hạn 9 tháng (từ ngày 26.01.2011 đến 26.10.2011); thời hạn thu hồi nợ 51 tháng (từ ngày 27.10.2011 đến 26.01.2016) theo từng kỳ hạn trả nợ và kế hoạch trả nợ; mục đích vay đầu tư xây dựng nhà máy sửa chữa, gia công và chế tạo cơ khí. Ngày 26.01.2011, ngân hàng giải ngân cho công ty số tiền 458.745.000_đồng. Do công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi của các kỳ trả nợ, nên ngày 27.10.2012 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ còn lại của công ty sang nợ quá hạn.

Tính đến hết ngày 12.3.2014, công ty C còn nợ ngân hàng số tiền gốc 377.790.000đồng và lãi 85.833.438đồng.

[5] Để đảm bảo cho khoản vay, công ty C đã thế chấp cho ngân hàng tài sản là nhà xưởng xây dựng trên thửa đất số 838, tờ bản đồ số 8, diện tích 22.916m², địa chỉ khu công nghiệp B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ, được UBND tỉnh Đ cấp GCN QSDĐ QSH nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BA 603070 cấp ngày 11.02.2010 cho Công ty C, theo HĐ thế chấp tài sản gắn liền với đất số 48A/2011/VCB-PT ngày 24.01.2011, giá trị tài sản định giá 1.014.350.000đồng.

[6] Do công ty C vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, ngày 05.01.2013 công ty viết giấy tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ và ngày 10.8.2013, công ty ký hợp đồng ủy quyền cho Ngân hàng được toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu nợ.

[7] Ngày 20/9/2013, Ngân hàng ký Hợp đồng tư vấn - dịch vụ thẩm định giá số: 255/HĐ-CIVS-BĐ với Công ty Cổ phần Z (Công ty Z) để công ty thẩm định giá trị công trình xây dựng trên đất và lợi thế vị trí địa lý khu đất của Công ty C tại Cụm CN B, thị trấn D, huyện M, tỉnh Đ với mục đích bán đấu giá tài sản thu hồi nợ vay, giá khởi điểm 1.246.288.000 đồng.

[8] Ngày 16.10.2013, Ngân hàng ký hợp đồng số 70/HĐ-BĐGTS với Trung tâm S để đưa tài sản thế chấp của công ty Cra tổ chức bán đấu giá công khai với giá khởi điểm là: 1.246.288.000 đồng. Ngày 08.03.2014, Trung tâm S đã tổ chức bán đấu giá thành công tài sản thế chấp của công ty C với số tiền là 736.000.000 đồng cho người trúng đấu giá là Công ty TNHH G.

[9] Án sơ thẩm đã tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại C đối với Ngân hàng TMCP N và Trung tâm S là chưa có căn cứ vững chắc; Bởi lẽ: Theo đơn khởi kiện người đại diện hợp pháp của Công ty C yêu cầu :

[9.1] Xác định số tiền nợ gốc và lãi Công ty C vay ngân hàng theo hợp đồng tín dụng dự án đầu tư phát triển số 48/HĐTD ngày 24.01.2011 và phụ lục hợp đồng số 01/48/PLHĐ ngày 22.12.2011.

[9.2] Hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản số 70/HĐ-BĐGTS ngày 16.10.2013 giữa Trung tâm S và Ngân hàng, vì việc bán đấu giá không đúng. Yêu cầu Ngân hàng trả lại tài sản bảo đảm cho công ty, nếu ngân hàng không trả tài sản thì phải bồi thường tiền xây dựng công ty là 1.283.334.609đồng.

[9.3] Hủy hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 05/HĐ-MBTS ngày 08.03.2014. HĐXX cấp phúc thẩm nhận thấy:

[10] Ông H là người đại diện cho công ty Minh Châu khởi kiện yêu cầu Tòa Hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản số 70/HĐ-BĐGTS ngày 16.10.2013, hủy hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá thành số 05/HĐ-MBTS ngày 08.03.2014, giữa Ngân hàng với Trung tâm S và Công ty TNHH G, vì cho rằng việc bán đấu giá tài sản bảo đảm của Công ty làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty C. Để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ

vào tài liệu chứng cứ các đương sự cung cấp, cần áp dụng quy định tại Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản, để xem xét nguyên tắc, trình tự, thủ tục và quy trình bán đấu giá tài sản đúng hay không mới có cơ sở chấp nhận hay bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng HĐXX cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của nguyên đơn không xem xét đến nguyên tắc, trình tự, thủ tục và quy trình bán đấu giá tài sản của công ty C là trái với quy định của pháp luật như đã viện dẫn. Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm không thể xét yêu cầu kháng cáo của đại diện công ty Minh Châu về việc yêu cầu hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản số 70/HĐ-BĐGTS ngày 16.10.2013 và hủy hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá thành số 05/HĐ-MBTS ngày 08.03.2014 vì, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ, được quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự về phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm.

[11] Ngoài ra, đại diện hợp pháp công ty C còn yêu cầu Tòa xác định số tiền nợ gốc và lãi mà công ty vay ngân hàng theo hợp đồng tín dụng dự án đầu tư phát triển số 48/HĐTD ngày 24.01.2011 và phụ lục hợp đồng số 01/48/PLHĐ ngày 22.12.2011, nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xác định tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm số 27/2017/KDTM-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 là chưa giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của đương sự, dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên không được đảm bảo.

[12] Từ những căn cứ đã phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng và chưa giải quyết toàn diện các yêu cầu khởi kiện của đương sự, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của công ty C, hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 27/2017/KDTM-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Q giải quyết lại theo thủ tục chung.

[13] Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty C không phải chịu. Hoàn lại cho công ty 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[14] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Q giải quyết lại là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Hủy bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 27/2017/KDTM-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q về việc tranh chấp “ Hợp

đồng tín dụng và hủy hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá ” giữa nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại C với bị đơn Ngân hàng TMCP N và Trung tâm S

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí;

3.2. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

3.2. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại C không phải chịu. Hoàn lại cho Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005065 ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND thành phố Q;
- VKSND tỉnh Đ;
- Chi cục THADS thành phố Q
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Hoài Thanh